Chi tiết mã HS 8531.10.20

Mã HS	8531.10.20
Mô tả hàng hóa	Thiết bị báo hiệu bằng âm thanh hoặc hình ảnh (ví dụ, chuông, còi báo, bảng chỉ báo, báo động chống trộm hoặc báo cháy), trừ các thiết bị thuộc nhóm 85.12 hoặc 85.30 / - Báo động chống trộm hoặc báo cháy và các thiết bị tương tự: / - - Báo cháy
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 23:22:53
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85311020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15700
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15700
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15700
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15031
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14963
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14963
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14963
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14963
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14963
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14963
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15017
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15017
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15017

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15017
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15017
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15017
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15018
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15018
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15018
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15018
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15018
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15018
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15021
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14969
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14977
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14977
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14977
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14977
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14977
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14977
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15017
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15017
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15017
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15017
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15017
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15017
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15072
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15072
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15072

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15072
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15072
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15072
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15051
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15051
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15051
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15051
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15051
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15051
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15049
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15049
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15049
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15049
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15049
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15049
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15055
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15055
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15055
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15055
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15055
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15055
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15054
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15054
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15054
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15054
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15054

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15054
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15047
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15047
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15047
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15047
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15047
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15047
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15047
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15042
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15042
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15042
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15042
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15042
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15042
RCEP B	2022	2022	0	B!D15042
RCEP B	2023	2023	0	B!E15042
RCEP B	2024	2024	0	B!F15042
RCEP B	2025	2025	0	B!G15042
RCEP B	2026	2026	0	B!H15042
RCEP B	2027	2027	0	B!I15042
RCEP C	2022	2022	0	C!D15042
RCEP C	2023	2023	0	C!E15042
RCEP C	2024	2024	0	C!F15042
RCEP C	2025	2025	0	C!G15042
RCEP C	2026	2026	0	C!H15042
RCEP C	2027	2027	0	C!I15042

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15041
RCEP D	2023	2023	0	D!E15041
RCEP D	2024	2024	0	D!F15041
RCEP D	2025	2025	0	D!G15041
RCEP D	2026	2026	0	D!H15041
RCEP D	2027	2027	0	D!I15041
RCEP E	2022	2022	0	E!D15045
RCEP E	2023	2023	0	E!E15045
RCEP E	2024	2024	0	E!F15045
RCEP E	2025	2025	0	E!G15045
RCEP E	2026	2026	0	E!H15045
RCEP E	2027	2027	0	E!I15045
RCEP F	2022	2022	0	F!D15042
RCEP F	2023	2023	0	F!E15042
RCEP F	2024	2024	0	F!F15042
RCEP F	2025	2025	0	F!G15042
RCEP F	2026	2026	0	F!H15042
RCEP F	2027	2027	0	F!I15042
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14014
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14014
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14014
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14014

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)		1182/QĐ-BCT-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8531.10 có 4 dòng thuế; dòng 8531.10.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Báo cháy.	8531.10.10 Báo trộm; 8531.10.30 Báo khói; chuông báo động cá nhân bỏ túi (còi rú); 8531.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8531.10.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8531.10.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15700), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa KTCN về chất lượng SP HH nhóm 2 (1182/QĐ-BCT-PL1-2021)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.